

Bản án số: 06/2017/HSPT
Ngày 07/11/2017

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Long**

Các Thẩm phán: Ông **Phạm Bá Sơn**

Ông **Phạm Việt Cường**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy Kiều**, Cán bộ Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Lê Ra**, Kiểm sát viên cao cấp.

Vào ngày 07 tháng 11 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 40/2017/TLPT-HS ngày 18 tháng 10 năm 2017 đối với các bị cáo Phan Minh Q về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Do có kháng cáo của bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đối với bản án hình sự sơ thẩm số 50/2017/HSST ngày 15/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

** Bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:*

PHAN MINH Q, sinh ngày 10/10/1979 tại Đà Nẵng; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng; Chỗ ở: phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng; Số CMND: 201433652; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Làm xây dựng; Con ông Phan Quốc V (c) và bà Lê Thị M; Có vợ là Thái Thị Ánh N và 01 con sinh năm 2016; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 26/3/2017. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các bị cáo Phan Minh Q bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Tháng 7/2016, bà Lê Thị D (SN 1954, P. X, Q. Y, TP. Hồ Chí Minh) có đơn tố cáo Phan Minh Q có hành vi lợi dụng việc bà nhờ làm thủ tục quyền sử dụng đất để

chiếm đoạt của bà lô đất số 773 khu E2 mở rộng thuộc khu dân cư N, phường H, quận C, TP. Đà Nẵng, trị giá 1.800.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm triệu đồng).

Kết quả điều tra xác định: Năm 2010, gia đình bà Phạm Thị Đ (SN 1974, trú xã C, huyện H, Đà Nẵng) và bà Phạm Thị L (SN 1965, trú xã P, huyện H, Đà Nẵng) thuộc diện giải tỏa thu hồi đất và được Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng bố trí đất tái định cư theo phiếu phân lô số 289, 290 sau này cấp thành 02 lô đất số 774, 775 khu E2 mở rộng, khu dân cư N, P. H, Q. C, TP. Đà Nẵng. Do không có nhu cầu sử dụng đất nên các anh chị em trong gia đình bà L, bà Đ thống nhất chuyển nhượng 02 phiếu phân lô đất này cho ông Hồ Văn N (SN 1982, trú xã C, huyện H, Đà Nẵng). Sau đó, ông N bán 02 phiếu đất lại cho bà Lê Thị L (SN 1966, trú P. H, Q. C, Đà Nẵng).

Vào tháng 11 năm 2010, bà Lê Thị D thông qua con gái mình là Lê Thị H (SN 1979, trú P. H, Q. T, TP. Hồ Chí Minh) đã gặp và nhờ Phan Minh Q tìm mua 02 lô đất tại TP. Đà Nẵng. Q đã liên hệ với bà Lê Thị L để mua lại 02 phiếu phân lô đất số 289 và 290 (nêu trên) với giá 1.700.000.000 đồng (Một tỷ bảy trăm triệu đồng).

Ngày 30/11/2010, tại phòng công chứng số 1 thành phố Đà Nẵng, tất cả các anh chị em của bà L, bà Đ đã lập hợp đồng ủy quyền số 15798 ủy quyền cho bà Lê Thị D thay mặt họ để liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết những vấn đề liên quan đến 02 lô đất số 774, 775 theo phiếu phân lô 289 và 290. Bà Dung đã trả đủ số tiền 1.700.000.000 đồng cho bà Lê Thị L.

Do ở xa và tin tưởng Phan Minh Q, bà Lê Thị D đã nhờ Q giúp làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 lô đất 774 và 775 cho bà Dung đứng tên, Q đồng ý. Lô đất 774 đứng tên bà Phạm Thị Đ, Q đã làm đủ thủ tục và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị D. Đối với lô đất 775 đứng tên bà Phạm Thị L có sai lệch so với thực tế ban đầu (do điều chỉnh quy hoạch) nên lô đất 775 đổi lại thành lô đất số 773. Do sự sai lệch này nên Phan Minh Q đã nảy sinh ý định chiếm đoạt lô đất 773. Để thực hiện ý định đó, ngày 20/5/2011, Q đã nhờ ông Hồ Văn N và bà Lê Thị L liên lạc với bà Phạm Thị L đến Ủy ban nhân dân P. H ký giấy cam kết về việc giao quyền đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tái định cư từ bà Phạm Thị L sang cho Phan Minh Q (Trước đó, Q nói dối với ông N, bà Lan việc bà Lê Thị D đã đồng ý cho Q đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với lô đất 773. Tin lời nói của Q là thật nên bà L đã ký giấy cam kết cho Q). Ngày 31/5/2011, Q liên hệ với mọi người trong gia đình bà L đến UBND P. H là thủ tục thừa kế giao toàn quyền cho bà L được thừa kế đối với lô đất 773. Ngày 15/12/2011, bà L làm thủ tục ủy quyền cho Phan Minh Q đối với lô đất 773 và được UBND P. H, Q. C, Đà Nẵng chứng thực. Đến ngày 24/6/2013, Q đem hồ sơ liên quan của lô đất 773 đến Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng – xây lắp và Kinh doanh nhà Đà Nẵng làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Phan Minh Q.

Sau khi nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của lô đất 773, ngày 28/8/2013, Q làm thủ tục thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của lô đất

này tại Ngân hàng Y để vay 600.000.000 đồng sử dụng vào mục đích cá nhân. Do không có khả năng trả nợ cho ngân hàng nên ngày 20/8/2014, tại Phòng công chứng T Đà Nẵng, Q ký hợp đồng chuyển nhượng số 5024 bán lô đất 773 cho chị Mai Lan A (SN 1974, Đà Nẵng) với giá 1.050.000.000 đồng. Số tiền này, Q dùng để trả nợ ngân hàng và sử dụng cá nhân hết. Ngày 03/12/2015, chị Mai Lan A bán lô đất này lại cho vợ chồng ông Trần Văn H và bà Phạm Thị Diễm P (trú tại thành phố Hồ Chí Minh). Vợ chồng ông H đã làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất theo quy định.

Theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Đà Nẵng ngày 11/5/2017, trị giá lô đất 773 tờ bản đồ số 00, diện tích 183,5m² khu E2 mở rộng, khu dân cư N là 1.296.146.025 đồng. (Bút lục số: 53).

Bà Lê Thị D yêu cầu Phan Minh Q bồi thường trị giá lô đất số 773 theo giá thị trường là 1.800.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Phan Minh Q đã tác động người thân bồi thường cho bà Dung số tiền 1.100.000.000 đồng. (Một tỷ một trăm triệu đồng).

*** Tại bản án hình sự sơ thẩm số 50/2017/HSST ngày 15/9/2017, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:**

Tuyên bố: Bị cáo Phan Minh Q phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 140; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; điểm x khoản 1 Điều 51; khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt: **Phan Minh Q 05 (năm)** năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/3/2017.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/9/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có Kháng nghị số 02/QĐ-KNPT kháng nghị một phần bản án theo hướng buộc bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu, đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện, tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa bị cáo Phan Minh Q khai nhận hành vi phạm tội của mình là phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ kết luận:

Do thay đổi, điều chỉnh trong quy hoạch lô đất số 775 được chuyển đổi thành lô đất số 773. Nên bị cáo Phan Minh Q không cho bà Lê Thị D biết việc chuyển đổi tên số lô đất mà tự ý liên hệ với những người đã bán phiếu lô đất cho

bà Lê Thị D trước đó và nói dối với họ là bị cáo đã được bà Dung đồng ý cho đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để nhờ những người này làm giấy cam kết về việc giao quyền đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tái định cư cho bị cáo Phan Minh Q và làm thủ tục ủy quyền lô đất số 773 cho bị cáo.

Sau khi làm xong thủ tục và đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của lô đất 773 là Phan Minh Q, bị cáo đem đi cầm cố và sau đó bán lô đất trên để lấy tiền sử dụng cá nhân. Tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị là 1.296.146.025 đồng.

Sau khi phạm tội, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại 1.100.000.000 đồng, và khắc phục gần đủ số tiền cho bị hại.

[2] Xét án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, tuyên bố bị cáo phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 140 Bộ luật hình sự; Áp dụng các tính tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7; Điều x khoản 1 Điều 51; khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo 05 năm tù là có căn cứ.

[3] Xét kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐ-KNPT ngày 28/9/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng, thì thấy:

Kháng nghị yêu cầu HĐXX cấp phúc thẩm tuyên bố bị cáo Phan Minh Q phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a, khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự là không đúng pháp luật, bởi lẽ:

Bị cáo Phan Minh Q, lợi dụng sự tin tưởng của bà Lê Thị D nhờ làm thủ tục quyền sử dụng đất, bị cáo đã làm xong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lô số 774 đứng tên bà Dung và đã đưa cho bà Lê Thị D.

Riêng lô đất 775, lợi dụng sự tin tưởng của bà Lê Thị D, và sự chuyển đổi lô đất số 775 này được đổi tên thành lô đất 773; Bị cáo đã làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đứng tên của bị cáo, bị cáo Phan Minh Q đem đi cầm cố và sau đó bán lô đất này để lấy tiền tiêu xài. Tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị 1.296.146.025 đồng. Nên bị cáo phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” tại điểm a khoản 4 Điều 140 Bộ luật hình sự như án sơ thẩm đã nhận định và xét xử đối với bị cáo Phan Minh Q là có căn cứ, đúng pháp luật.

Do vậy, HĐXX cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng nghị, cần giữ nguyên án sơ thẩm.

[4] Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng. Đề nghị này không phù hợp với nhận định của HĐXX nên không chấp nhận.

[5] Về án phí HSPT: Bị cáo không phải chịu.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Áp dụng điểm a, khoản 2, Điều 248 của Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH

[1] Không chấp nhận kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐ-KNPT ngày 28/9/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2017/HSST ngày 15/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

[2] Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 140; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7; Điều x khoản 1 Điều 51; khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo: Phan Minh Q 05 (năm) tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/3/2017.

[3] Về án phí HSPT: Bị cáo Phan Minh Q không phải chịu.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án. Ban an so 02-2017-DS-PT ngày 08-11-2017 - Nguyen Long T

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Trại giam Công an thành phố Đà Nẵng;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Long